



**CÔNG TY CỔ PHẦN
MỸ THUẬT VÀ TRUYỀN THÔNG**

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021



THƯ GIẢI TRÌNH CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Kính gửi: Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC

Thư giải trình này được cung cấp liên quan đến cuộc kiểm toán của AAC về Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Mĩ thuật và Truyền thông cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 nhằm mục đích đưa ra ý kiến về việc liệu báo cáo tài chính có phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hay không.

Chúng tôi xác nhận rằng *(với sự hiểu biết và tin tưởng cao nhất, chúng tôi đã tìm hiểu những thông tin mà chúng tôi cho là cần thiết để thu được những hiểu biết thích hợp)*:

Báo cáo tài chính

- (1) Chúng tôi đã hoàn thành các trách nhiệm của mình, như đã thỏa thuận trong các điều khoản của Hợp đồng kiểm toán [số /HĐKT-AAC ngày], đối với việc lập và trình bày báo cáo tài chính theo các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; cụ thể là báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.
- (2) Chúng tôi đã sử dụng các giả định hợp lý để đưa ra các ước tính kế toán, kể cả ước tính về giá trị hợp lý.
- (3) Các mối quan hệ và giao dịch với các bên liên quan đã được giải thích và thuyết minh đầy đủ tại mục 33 Bản thuyết minh báo cáo tài chính một cách phù hợp theo các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.
- (4) Chúng tôi không nhận thấy có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán và cần phải được điều chỉnh và thuyết minh theo quy định của chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam.
- (5) Ảnh hưởng của các sai sót chưa được điều chỉnh, xét riêng lẻ hay tổng hợp lại, là không trọng yếu đối với tổng thể báo cáo tài chính.

Thông tin cung cấp

- (1) Chúng tôi đã cung cấp cho Ông/Bà:
 - Quyền tiếp cận với tất cả tài liệu, thông tin mà chúng tôi nhận thấy có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính như sổ, tài liệu, chứng từ kế toán và các vấn đề khác;
 - Các tài liệu, thông tin bổ sung mà kiểm toán viên yêu cầu chúng tôi cung cấp để phục vụ cho mục đích kiểm toán;
 - Quyền tiếp cận không hạn chế với những cá nhân trong đơn vị mà kiểm toán viên xác định là cần thiết nhằm thu thập bằng chứng kiểm toán.
- (2) Tất cả các giao dịch đã được ghi chép trong tài liệu, sổ kế toán và đã được phản ánh trong báo cáo tài chính.
- (3) Chúng tôi không nhận thấy có rủi ro báo cáo tài chính có thể chứa đựng sai sót trọng yếu do gian lận.
- (4) Chúng tôi không nhận thấy có bất kỳ thông tin nào liên quan đến gian lận hoặc nghi ngờ gian lận có thể có ảnh hưởng đến đơn vị và liên quan đến: Ban Giám đốc; Những nhân viên có vai trò

quan trọng trong kiểm soát nội bộ; hoặc các vấn đề khác mà gian lận có thể ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính.

- (5) Chúng tôi không nhận thấy có bất kỳ thông tin nào liên quan đến các cáo buộc gian lận hoặc nghi ngờ gian lận có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính của đơn vị mà chúng tôi được thông báo từ các nhân viên, nhân viên cũ của Công ty, các chuyên gia phân tích, các cơ quan quản lý hoặc những người khác.
- (6) Chúng tôi không nhận thấy có bất kỳ trường hợp nào không tuân thủ hoặc nghi ngờ không tuân thủ pháp luật và các quy định mà ảnh hưởng của việc không tuân thủ đó cần được xem xét khi lập và trình bày báo cáo tài chính.
- (7) Chúng tôi đã công bố cho Ông/Bà danh tính của các bên liên quan của đơn vị và tất cả các mối quan hệ và giao dịch với các bên liên quan mà chúng tôi biết.
- (8) Tại thời điểm 31/12/2021, Chúng tôi có một số chi phí bản quyền phát sinh từ trước năm 2020 nhưng chưa tiến hành phân bổ ghi nhận vào giá thành sách, số tiền: 273.135.050 đồng. Hiện tại Công ty chưa tiến hành sản xuất những sách này, vẫn tồn tại trên dạng bản thảo chưa giao in. Công ty sẽ tiếp tục giao in trong thời gian đến.

Trân trọng,

Hà Nội, ngày 25 tháng 03 năm 2022



Kế toán trưởng

Nguyễn Phong Yên

MỤC LỤC	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	1 - 3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4
Báo cáo tài chính	
• Bảng cân đối kế toán	5 - 6
• Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	7
• Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	8
• Thuyết minh Báo cáo tài chính	9 - 29

523
CÔNG
CỔ
MỸ THUẬT
TRUYỀN
THÔNG

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Mỹ thuật và Truyền thông công bố báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 đã được kiểm toán.

Thông tin khái quát

Công ty Cổ phần Mỹ thuật và Truyền thông (sau đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập theo Quyết định số 1064/QĐ-TCNS ngày 13/09/2007 của Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (nay là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp) số 0103019582 ngày 14/09/2007 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan. Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 14 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 24/08/2021 với mã số doanh nghiệp là 0102365521.

Công ty đã niêm yết cổ phiếu tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội theo Giấy chứng nhận đăng ký niêm yết cổ phiếu số 113/GCN-SGDHN ngày 17/12/2010 với mã chứng khoán là ADC. Ngày chính thức giao dịch cổ phiếu tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội là ngày 24/12/2010.

Vốn điều lệ: 39.779.360.000 đồng

Vốn góp thực tế đến thời điểm 31/12/2021: 39.779.360.000 đồng

Trụ sở chính

- Địa chỉ: 187B Giảng Võ, Phường Cát Linh, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
- Điện thoại: (84) 024.35122163
- Fax: (84) 024.35121385
- Website: www.adc.net.vn

Ngành nghề kinh doanh

- Hoạt động sáng tác, nghệ thuật và giải trí. Chi tiết: Tổ chức hoạt động vẽ, sáng tác các tác phẩm nghệ thuật và các hoạt động hội họa khác;
- Hoạt động thiết kế chuyên dụng. Chi tiết: Thiết kế trang web; Dịch vụ thiết kế nội thất, ngoại thất và các dịch vụ thiết kế chuyên dụng khác (thời trang, mẫu quần áo, đồng phục học sinh, giày dép, thiết kế phối cảnh phim, sân khấu); Tư vấn và thiết kế quảng cáo thương mại; Thiết kế đồ họa các xuất bản phẩm phục vụ ngành giáo dục và các xuất bản phẩm khác;
- Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại. Chi tiết: Tổ chức hội chợ triển lãm, trưng bày giới thiệu sản phẩm thương mại;
- In ấn. Chi tiết: Dịch vụ chế bản, in các sản phẩm ngành giáo dục;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Buôn bán nguyên liệu, vật tư phục vụ ngành in ấn, chế bản, mỹ thuật và truyền thông;
- Quảng cáo. Chi tiết: Quảng cáo trưng bày, giới thiệu hàng hóa và các dịch vụ liên quan đến quảng cáo;
- Dịch vụ liên quan đến in;
- Giáo dục nghề nghiệp. Chi tiết: Mở trường dạy nghề, đào tạo huấn luyện nghiệp vụ chuyên ngành mỹ thuật, thiết kế - đồ họa (Chi hoạt động sau khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép);
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình. Chi tiết: Kinh doanh đồ dùng, thiết bị dạy - học; Phát hành sách, tranh - ảnh phục vụ cho ngành giáo dục và các sản phẩm khác (lịch, catalogue) (không bao gồm xuất nhập khẩu); Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác; Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và

05
IG
PI
HI
YẾ
1

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự; Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm; Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Xuất khẩu các nguyên liệu, vật tư và các sản phẩm in ấn, chế bản, mỹ thuật và truyền thông (trừ loại Nhà nước cấm); Dịch vụ ủy thác xuất khẩu;
 - Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh;
 - Bán lẻ băng đĩa âm thanh, hình ảnh (kể cả băng, đĩa trắng) trong các cửa hàng chuyên doanh;
 - Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh;
 - Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh;
 - Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và hàng giả da trong các cửa hàng chuyên doanh;
 - Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết: Bán lẻ hàng lưu niệm, hàng đan lát, hàng thủ công mỹ nghệ trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ tranh, ảnh và các tác phẩm nghệ thuật khác (trừ đồ cổ) trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ đồng hồ, kính mắt trong các cửa hàng chuyên doanh;
 - Hoạt động sản xuất phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình. Chi tiết: Hoạt động sản xuất các chương trình truyền hình và các chương trình quảng cáo (không hoạt động sản xuất phim ảnh);
 - Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống;
 - Bán buôn thực phẩm;
 - Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép.

Nhân sự

Tổng số công nhân viên hiện có đến thời điểm cuối năm tài chính là 354 người. Trong đó, cán bộ quản lý là 5 người.

Các thành viên của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Giám đốc và Kế toán trưởng trong năm tài chính và đến ngày lập Báo cáo tài chính này gồm có:

Hội đồng quản trị

- | | | |
|----------------------|--------------|------------------------------|
| • Ông Lê Hoàng Hải | Chủ tịch | Bổ nhiệm lại ngày 24/04/2018 |
| • Ông Đinh Gia Lê | Phó chủ tịch | Bổ nhiệm ngày 24/04/2018 |
| • Ông Phạm Văn Thắng | Ủy viên | Bổ nhiệm lại ngày 24/04/2018 |
| • Bà Mai Nhị Hà | Ủy viên | Bổ nhiệm ngày 24/04/2018 |
| • Bà Nguyễn Bích La | Ủy viên | Bổ nhiệm lại ngày 24/04/2018 |

Ban kiểm soát

- | | | |
|--------------------------|------------|--------------------------|
| • Bà Nguyễn Thị Thu Hồng | Trưởng ban | Bổ nhiệm ngày 27/03/2019 |
| • Bà Trần Thị Thu Hương | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 24/04/2018 |
| • Ông Nguyễn Văn Quyết | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 24/04/2018 |

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Ban Giám đốc và Kế toán trưởng

- | | | |
|---------------------------|----------------|------------------------------|
| • Ông Phạm Văn Thắng | Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 12/06/2017 |
| • Bà Nguyễn Bích La | Phó Giám đốc | Bổ nhiệm lại ngày 01/06/2021 |
| • Bà Nguyễn Thị Hồng Hạnh | Phó Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 14/05/2019 |
| • Ông Nguyễn Phong Yên | Kế toán trưởng | Bổ nhiệm lại ngày 12/09/2019 |

Kiểm toán độc lập

Báo cáo tài chính này được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC (Trụ sở chính: Lô 78-80, Đường 30 Tháng 4, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng; Điện thoại: (84) 0236.3655886; Fax: (84) 0236.3655887; Website: www.aac.com.vn; Email: aac@dng.vn.vn).

Trách nhiệm của Ban Giám đốc trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực, hợp lý Báo cáo tài chính này trên cơ sở:

- Tuân thủ các quy định của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý hiện hành khác có liên quan;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính kế toán một cách hợp lý và thận trọng;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục;
- Chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Ban Giám đốc Công ty, bằng báo cáo này xác nhận rằng: Báo cáo tài chính bao gồm Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 31/12/2021 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Giám đốc
Giám đốc



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Ngày 31 tháng 12 năm 2021

Mẫu số B 01 - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		112.733.161.889	100.581.188.697
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		18.733.832.710	40.375.117.370
1. Tiền	111	5	2.757.927.769	4.493.169.678
2. Các khoản tương đương tiền	112	6	15.975.904.941	35.881.947.692
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		10.828.887.537	14.092.794.330
1. Chứng khoán kinh doanh	121	7.a	750.000.000	750.000.000
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122	7.a	-	(105.000.000)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	7.b	10.078.887.537	13.447.794.330
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		42.377.488.656	15.576.847.407
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	8	40.460.293.784	12.600.309.331
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	9	339.939.323	1.535.252.633
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	10.a	2.398.346.356	2.338.543.906
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	11	(821.090.807)	(897.258.463)
IV. Hàng tồn kho	140	12	35.466.294.879	25.393.737.216
1. Hàng tồn kho	141		36.603.950.638	25.393.737.216
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(1.137.655.759)	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		5.326.658.107	5.142.692.374
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	13.a	5.326.658.107	5.142.692.374
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		31.083.459.876	36.764.086.091
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		7.150.018.311	7.794.400.203
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Phải thu dài hạn khác	216	10.b	7.150.018.311	7.794.400.203
II. Tài sản cố định	220		21.213.949.805	21.807.003.805
1. Tài sản cố định hữu hình	221	14	19.383.783.900	20.871.704.986
- Nguyên giá	222		34.835.314.952	34.835.314.952
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(15.451.531.052)	(13.963.609.966)
2. Tài sản cố định vô hình	227	15	1.830.165.905	935.298.819
- Nguyên giá	228		2.220.697.277	1.039.220.913
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(390.531.372)	(103.922.094)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		157.158.000	1.181.476.364
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		157.158.000	1.181.476.364
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		2.562.333.760	5.981.205.719
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	13.b	2.562.333.760	5.981.205.719
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		143.816.621.765	137.345.274.788



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC

THÀNH VIÊN CỦA PRIMEGLOBAL

CHUYÊN NGÀNH KIỂM TOÁN - KẾ TOÁN - TÀI CHÍNH

Trụ sở chính: Lô 78 - 80, Đường 30 Tháng 4, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

Tel: +84 (236) 3 655 886; Fax: +84 (236) 3 655 887; Email: aac@dnng.vnn.vn; Website: http://www.aac.com.vn

Số: 426/2022/BCKT-AAC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Mĩ thuật và Truyền thông

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính lập ngày 25/03/2022 của Công ty Cổ phần Mĩ thuật và Truyền thông (sau đây gọi tắt là "Công ty") đính kèm từ trang 5 đến trang 29, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực, hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ Chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2021 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



Lâm Quang Tuấn - Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1031-2018-010-1


Lê Nữ Mai Anh - Kiểm toán viên
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 4435-2018-010-1

Đà Nẵng, ngày 25 tháng 03 năm 2022

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)
Ngày 31 tháng 12 năm 2021


NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		76.922.895.348	73.778.052.965
I. Nợ ngắn hạn	310		76.922.895.348	73.778.052.965
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	16	46.673.314.338	39.045.218.195
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	17	216.046.481	468.976.696
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	18	4.152.497.598	5.791.426.624
4. Phải trả người lao động	314		23.034.381.030	24.302.460.949
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	19	412.688.529	-
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	20	1.734.526.861	1.521.271.450
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		699.440.511	2.648.699.051
II. Nợ dài hạn	330		-	-
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		66.893.726.417	63.567.221.823
I. Vốn chủ sở hữu	410		66.893.726.417	63.567.221.823
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	21	39.779.360.000	30.600.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		39.779.360.000	30.600.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		(227.778.500)	(227.778.500)
3. Quỹ đầu tư phát triển	418	21	16.951.868.250	20.826.139.956
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	21	10.390.276.667	12.368.860.367
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		-	-
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		10.390.276.667	12.368.860.367
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		143.816.621.765	137.345.274.788

Giám đốc

 Phạm Văn Thăng
 Hà Nội, ngày 25 tháng 03 năm 2022

Kế toán trưởng

 Nguyễn Phong Yên

Người lập biểu

 Nguyễn Huy Hoàng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Mẫu số B 02 - DN
Ban hành theo TT số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
1. Doanh thu bán hàng & cung cấp dịch vụ	01	23	299.308.198.903	380.804.401.650
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng & cc dịch vụ	10		299.308.198.903	380.804.401.650
4. Giá vốn hàng bán	11	24	186.750.320.782	245.802.770.633
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng & cc dịch vụ	20		<u>112.557.878.121</u>	<u>135.001.631.017</u>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	25	1.422.646.883	1.430.173.786
7. Chi phí tài chính	22		(105.000.000)	(596.255.694)
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	25	26.a	85.334.708.548	99.214.366.006
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	26.b	15.458.082.586	22.678.543.019
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		<u>13.292.733.870</u>	<u>15.135.151.472</u>
11. Thu nhập khác	31	27	461.704.005	1.128.054.453
12. Chi phí khác	32	28	129.482.435	81.300.255
13. Lợi nhuận khác	40		<u>332.221.570</u>	<u>1.046.754.198</u>
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		<u>13.624.955.440</u>	<u>16.181.905.670</u>
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	29	3.234.678.773	3.813.045.303
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		<u>10.390.276.667</u>	<u>12.368.860.367</u>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	30	2.090	2.487
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	30	2.090	2.487

Giám đốc



Phạm Văn Thắng

Hà Nội, ngày 25 tháng 03 năm 2022

Kế toán trưởng

Nguyễn Phong Yên

Người lập biểu

Nguyễn Huy Hoàng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Mẫu số B 03 - DN
Ban hành theo TT số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		13.624.955.440	16.181.905.670
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	14;15	1.774.530.364	1.398.347.684
- Các khoản dự phòng	03	11;21	956.488.103	(702.794.799)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	25	(1.251.195.166)	(1.350.528.331)
3. LN từ hoạt động KD trước thay đổi vốn lưu động	08		15.104.778.741	15.526.930.224
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(26.130.745.516)	597.162.825
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(11.210.213.422)	(3.598.300.019)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể trả lãi vay, thuế thu nhập phải nộp)	11		5.618.628.959	(437.372.294)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		3.234.906.226	(931.435.499)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	18	(3.778.531.709)	(2.001.886.120)
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(4.423.030.613)	(1.084.628.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(21.584.207.334)	8.070.471.117
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm XD TSCĐ và các TS DH khác	21		(157.158.000)	(4.308.903.888)
2. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các CC nợ của đơn vị khác	24		3.368.906.793	318.249.226
3. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	2.000.000.000
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	10;25	1.301.848.981	1.394.558.611
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		4.513.597.774	(596.096.051)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền trả nợ gốc vay	34		-	-
2. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	20;21	(4.570.675.100)	(4.285.150.450)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(4.570.675.100)	(4.285.150.450)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(21.641.284.660)	3.189.224.616
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	5;6	40.375.117.370	37.185.892.754
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái qui đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	5;6	18.733.832.710	40.375.117.370



Hà Nội, ngày 25 tháng 03 năm 2022

Kế toán trưởng

Nguyễn Phong Yên

Người lập biểu

Nguyễn Huy Hoàng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành
và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Mẫu số B 09 - DN
Ban hành theo TT số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

1. Đặc điểm hoạt động

1.1. Khái quát chung

Công ty Cổ phần Mỹ thuật và Truyền thông (sau đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập theo Quyết định số 1064/QĐ-TCNS ngày 13/09/2007 của Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (nay là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp) số 0103019582 ngày 14/09/2007 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan. Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 14 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 24/08/2021 với mã số doanh nghiệp là 0102365521.

1.2. Lĩnh vực kinh doanh chính

Phát hành sách và buôn bán ấn phẩm, đồ dùng gia đình; Thiết kế đồ họa các xuất bản phẩm phục vụ ngành giáo dục và các xuất bản phẩm khác.

2. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

Đơn vị tiền tệ dùng để ghi sổ kế toán và trình bày Báo cáo tài chính là Đồng Việt Nam (VND).

3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Hệ thống Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành.

4. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu

4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm: Tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4.2 Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là các loại chứng khoán và các công cụ tài chính khác (thương phiếu, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng hoán đổi,...) được Công ty nắm giữ vì mục đích kinh doanh.

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm: giá mua cộng (+) các chi phí mua (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng. Khoản cổ tức, lợi nhuận được chia cho giai đoạn trước ngày đầu tư được ghi giảm giá trị khoản đầu tư.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Sau ghi nhận ban đầu, chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán nếu giá thị trường của chứng khoán kinh doanh thấp hơn giá gốc.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi mà bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai, các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá ghi sổ sau khi đã đánh giá lại. Số dự phòng tổn thất được ghi giảm trực tiếp vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

Trường hợp các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ thì được đánh giá lại theo tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm cuối kỳ.

4.3 Các khoản nợ phải thu

Các khoản nợ phải thu bao gồm: phải thu khách hàng và phải thu khác:

- Phải thu khách hàng là các khoản phải thu mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa Công ty và người mua;
- Phải thu khác là các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải thu được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng nợ phải thu khó đòi. Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất tại thời điểm cuối kỳ kế toán đối với các khoản nợ đã quá hạn thu hồi, Công ty đã đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa thu được hoặc chưa đến thời hạn thu hồi nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

4.4 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên với giá gốc được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại;
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá trị thuần có thể thực hiện là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành hàng tồn kho và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho từng mặt hàng khi giá trị thuần có thể thực hiện được của mặt hàng đó nhỏ hơn giá gốc.

230
JNC
Ô P
THI
JYE
D

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4.5 Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí mà Công ty bỏ ra để có được tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định hữu hình nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính. Cụ thể như sau:

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Nhà cửa vật kiến trúc	50
Máy móc, thiết bị	1,5 – 7
Phương tiện vận tải	3 – 4
Thiết bị dụng cụ quản lý	1,5 – 3
Tài sản cố định khác	Hết khấu hao

4.6 Tài sản cố định vô hình

Nguyên giá

Tài sản cố định vô hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khấu hao

Tài sản cố định vô hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính.

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Phần mềm máy tính	5

4.7 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước được phân loại thành chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn. Đây là các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều thời kỳ. Các chi phí trả trước chủ yếu tại Công ty:

- Công cụ dụng cụ đã xuất dùng được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 12 tháng đến 24 tháng;

55
T
H
A
T
A
T
A
T

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

- Chi phí sửa chữa lớn tài sản được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 18 tháng;
- Các chi phí trả trước khác: Căn cứ vào tính chất, mức độ chi phí, Công ty lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ phù hợp trong thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

4.8 Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả bao gồm: phải trả người bán và phải trả khác:

- Phải trả người bán là các khoản phải trả mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa nhà cung cấp và Công ty;
- Phải trả khác là các khoản phải trả không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo giá gốc, được phân loại thành nợ phải trả ngắn hạn và dài hạn căn cứ theo kỳ hạn nợ còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Các khoản nợ phải trả được Công ty theo dõi chi tiết theo đối tượng, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ.

4.9 Chi phí phải trả

Các khoản phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

4.10 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu phản ánh số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh số chênh lệch giữa giá phát hành với mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến phát hành cổ phiếu; Chênh lệch giữa giá tái phát hành với giá trị sổ sách, chi phí trực tiếp liên quan đến tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được trích lập các quỹ và chia cho cổ đông góp vốn theo Quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

Cổ tức trả cho cổ đông góp vốn không vượt quá số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và có cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức.

4.11 Ghi nhận doanh thu và thu nhập khác

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có khả năng thu được các lợi ích kinh tế và có thể xác định được một cách chắc chắn, đồng thời thỏa mãn điều kiện sau:
 - ✓ Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi những rủi ro đáng kể và quyền sở hữu về sản phẩm đã được chuyển giao cho người mua và không còn khả năng đáng kể nào làm thay đổi quyết định của hai bên về giá bán hoặc khả năng trả lại hàng;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

- ✓ Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đã hoàn thành dịch vụ. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày kết thúc kỳ kế toán.
- Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi doanh thu được xác định tương đối chắc chắn và có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.
 - ✓ Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế;
 - ✓ Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước đầu tư được hạch toán giảm giá trị khoản đầu tư.
- Thu nhập khác là các khoản thu nhập ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty, được ghi nhận khi có thể xác định được một cách tương đối chắc chắn và có khả năng thu được các lợi ích kinh tế.

4.12 Giá vốn hàng bán

Giá vốn của sản phẩm, hàng hóa và dịch vụ tiêu thụ được ghi nhận đúng kỳ, theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho và dịch vụ cung cấp được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán trong kỳ, không tính vào giá thành sản phẩm, dịch vụ.

4.13 Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính: chi phí lãi tiền vay, chiết khấu thanh toán cho người mua, dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác và các khoản chi phí của hoạt động đầu tư khác.

4.14 Chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ.

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí thực tế phát sinh liên quan đến quản lý chung của doanh nghiệp.

4.15 Chi phí thuế TNDN hiện hành, chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4.16 Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm: tiền mặt, tiền gửi, các khoản đầu tư tài chính, phải thu khách hàng và phải thu khác.

Nợ phải trả tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

4.17 Thuế suất và các lệ phí nộp Ngân sách mà Công ty đang áp dụng

- Thuế GTGT:
 - Đối với sách giáo khoa, sách tham khảo hỗ trợ cho sách giáo khoa: Thuộc đối tượng không chịu thuế;
 - Đối với sách tham khảo không hỗ trợ cho sách giáo khoa, sách bản quyền: Áp dụng mức thuế suất 5%;
 - Đối với thiết kế, chế bản và truyền thông: Áp dụng mức thuế suất 10%.
- Thuế thu nhập doanh nghiệp: Áp dụng mức thuế suất là 20%.
- Các loại thuế khác và lệ phí nộp theo quy định hiện hành.

4.18 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng (trực tiếp hoặc gián tiếp) kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động.

Đơn vị tính: VND

5. Tiền

	31/12/2021	01/01/2021
Tiền mặt	1.164.919.112	112.024.041
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	1.593.008.657	4.381.145.637
Cộng	2.757.927.769	4.493.169.678

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

6. Các khoản tương đương tiền

	31/12/2021	01/01/2021
Tiền gửi ngân hàng kỳ hạn từ 1 đến 3 tháng	15.975.904.941	35.881.947.692
Cộng	<u>15.975.904.941</u>	<u>35.881.947.692</u>

7. Đầu tư tài chính

a. Chứng khoán kinh doanh

	31/12/2021			01/01/2021		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Công ty CP DVXB Giáo dục Hà Nội (*)	750.000.000	750.000.000	-	750.000.000	645.000.000	(105.000.000)
Cộng	<u>750.000.000</u>	<u>750.000.000</u>	<u>-</u>	<u>750.000.000</u>	<u>645.000.000</u>	<u>(105.000.000)</u>

Theo quyết định số 45A/QĐ-MTTT ngày 05/03/2016 của Giám đốc Công ty về việc góp vốn tại Công ty Cổ phần Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Hà Nội (mã chứng khoán EPH) thì mục đích đầu tư là để sinh lời và chuyển nhượng khi có điều kiện.

b. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Tiền gửi ngân hàng kỳ hạn 6 tháng	10.078.887.537	10.078.887.537	13.447.794.330	13.447.794.330
Cộng	<u>10.078.887.537</u>	<u>10.078.887.537</u>	<u>13.447.794.330</u>	<u>13.447.794.330</u>

Tại thời điểm 31/12/2021, khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn của Công ty là các khoản tiền gửi có kỳ hạn 6 tháng. Ban Giám đốc đánh giá rằng các khoản tiền gửi này không bị tổn thất, suy giảm về giá trị.

8. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2021	01/01/2021
Công ty CP Sách và TBTH Gia Lai	2.326.827.300	872.905.830
Công ty CP Sách TBTH Nghệ An	2.184.176.215	-
Cửa hàng Văn hoá phẩm Bông Sen - Hoàng Hoa	1.772.933.783	-
Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Hà Nội	1.415.095.141	268.559.600
Các đối tượng khác	32.761.261.345	11.458.843.901
Cộng	<u>40.460.293.784</u>	<u>12.600.309.331</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Trong đó: Phải thu của khách hàng là các bên liên quan

	Mối quan hệ	31/12/2021	01/01/2021
Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Hà Nội	Chung Công ty đầu tư	1.415.095.141	268.559.600
Công ty CP Sách Dân tộc	Chung Công ty đầu tư	1.003.438.012	631.108.020
Công ty TNHH MTV NXB Giáo dục VN	Công ty đầu tư	414.202.421	1.002.069.337
Nhà xuất bản Giáo dục tại Hà Nội	ĐVTTC Công ty đầu tư	1.086.216.367	928.493.593
Các đối tượng khác	Chung Công ty đầu tư	707.547.150	2.429.635.377
Cộng		4.626.499.091	5.259.865.927

9. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2021	01/01/2021
Công ty TNHH Bán lẻ Phương Nam	256.563.518	239.842.748
Các đối tượng khác	83.375.805	1.295.409.885
Cộng	339.939.323	1.535.252.633

10. Phải thu khác

a. Ngắn hạn

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
BHXH, BHYT, BHTN	10.429.260	-	39.029.589	-
Lãi dự thu	115.880.516	-	166.534.331	-
Tạm ứng	248.456.910	-	459.838.446	-
Ký cược, ký quỹ	1.107.504.000	-	357.504.000	-
Phải thu thuế TNCN nhân viên	466.162.890	-	976.000.452	-
Phải thu khác	449.912.780	-	339.637.088	-
Cộng	2.398.346.356	-	2.338.543.906	-

b. Dài hạn

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ký cược, ký quỹ	7.150.018.311	-	7.794.400.203	-
Cộng	7.150.018.311	-	7.794.400.203	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

11. Dự phòng phải thu khó đòi

a. Ngắn hạn

	31/12/2021	01/01/2021
Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn	821.090.807	897.258.463
- Từ 3 năm trở lên	559.403.132	807.459.987
- Từ 2 năm đến dưới 3 năm	-	15.954.562
- Từ 1 năm đến dưới 2 năm	40.852.883	73.843.914
- Trên 6 tháng đến dưới 1 năm	220.834.792	-
Cộng	821.090.807	897.258.463

b. Nợ xấu

	31/12/2021			Ghi chú
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	
Công ty CP Sách và TBTH Hà Giang	535.929.026	-	Trên 3 năm	Quá hạn thanh toán
Các đối tượng khác	841.295.843	556.134.062	Trên 1 năm	Quá hạn thanh toán
Cộng	1.377.224.869	556.134.062		
	01/01/2021			Ghi chú
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	
Công ty CP Sách và TBTH Hà Giang	535.929.026	-	Trên 3 năm	Quá hạn thanh toán
Các đối tượng khác	448.778.219	87.448.782	Trên 1 năm	Quá hạn thanh toán
Cộng	984.707.245	87.448.782		

(*) Công ty đánh giá giá trị có thể thu hồi căn cứ vào nợ gốc trừ đi mức dự phòng cần trích lập theo hướng dẫn của Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08/08/2019.

12. Hàng tồn kho

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	6.514.501.148	-	7.856.372.877	-
Thành phẩm	27.061.815.654	(1.137.655.759)	14.177.514.874	-
Hàng hóa	3.027.633.836	-	3.359.849.465	-
Cộng	36.603.950.638	(1.137.655.759)	25.393.737.216	-

- Không có hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản nợ tại thời điểm 31/12/2021.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

13. Chi phí trả trước

a. Ngắn hạn

	31/12/2021	01/01/2021
Chi phí thuê, sửa chữa cửa hàng	3.309.659.010	3.275.606.966
Chi phí công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	83.603.912	495.309.192
Chi phí làm sách thị trường	1.733.345.704	1.240.976.196
Các khoản khác	200.049.481	130.800.020
Cộng	5.326.658.107	5.142.692.374

b. Dài hạn

	31/12/2021	01/01/2021
Chi phí sửa chữa chờ phân bổ	64.646.465	680.423.487
Chi phí thuê cửa hàng, kho, xưởng,... chờ phân bổ	2.455.555.561	4.188.888.889
Chi phí công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	-	1.025.829.576
Các khoản khác	42.131.734	86.063.767
Cộng	2.562.333.760	5.981.205.719

14. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	P.tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	TSCĐ khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	18.125.999.284	9.951.473.192	5.608.922.645	1.078.628.943	70.290.888	34.835.314.952
Mua sắm trong năm	-	-	-	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	-	-	-	-
Số cuối năm	18.125.999.284	9.951.473.192	5.608.922.645	1.078.628.943	70.290.888	34.835.314.952
Khấu hao						
Số đầu năm	1.751.068.234	6.864.500.056	4.280.458.879	997.291.909	70.290.888	13.963.609.966
Khấu hao trong năm	362.519.988	699.331.666	388.736.088	37.333.344	-	1.487.921.086
Giảm trong năm	-	-	-	-	-	-
Số cuối năm	2.113.588.222	7.563.831.722	4.669.194.967	1.034.625.253	70.290.888	15.451.531.052
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	16.374.931.050	3.086.973.136	1.328.463.766	81.337.034	-	20.871.704.986
Số cuối năm	16.012.411.062	2.387.641.470	939.727.678	44.003.690	-	19.383.783.900

- Không có TSCĐ hữu hình đang cầm cố, thế chấp các khoản vay tại ngày 31/12/2021.
- Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2021 là 10.862.280.744 đồng.

05/1
G T
PH
UẬT
N TH
1-1

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

15. Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm máy tính	Cộng
Nguyên giá		
Số đầu năm	1.039.220.913	1.039.220.913
Tăng trong năm	1.181.476.364	1.181.476.364
Thanh lý, nhượng bán	-	-
Số cuối năm	2.220.697.277	2.220.697.277
Khấu hao		
Số đầu năm	103.922.094	103.922.094
Khấu hao trong năm	286.609.278	286.609.278
Thanh lý, nhượng bán	-	-
Số cuối năm	390.531.372	390.531.372
Giá trị còn lại		
Số đầu năm	935.298.819	935.298.819
Số cuối năm	1.830.165.905	1.830.165.905

- Không có TSCĐ vô hình đang cầm cố, thế chấp các khoản vay tại ngày 31/12/2021.
- Không có TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2021.

16. Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2021	01/01/2021
Công ty CP In Bao bì Hà Tây	7.323.922.774	1.358.119.638
Công ty CP In và Truyền thông Hợp Phát	4.809.348.393	1.663.483.101
Xí nghiệp Bàn đồ 1 - Công ty TNHH MTV Trắc địa Bàn đồ	2.539.455.403	1.667.360.405
Bộ Tổng tham mưu - Nhà máy in Bộ Quốc phòng	2.531.597.632	1.155.799.395
Công ty CP in và thương mại Thống Nhất	1.278.285.497	231.032.874
Công ty CP Việt Tinh Anh	1.229.317.493	1.699.658.440
Các đối tượng khác	26.961.387.146	31.269.764.342
Cộng	46.673.314.338	39.045.218.195

Trong đó: Phải trả người bán là các bên liên quan

	Mối quan hệ	31/12/2021	01/01/2021
Công ty CP ĐT&PT Giáo dục Hà Nội	Chung Công ty đầu tư	1.050.114.520	801.834.627
Công ty CP Bàn đồ - Tranh ảnh Giáo dục	ĐVTT Công ty đầu tư	608.218.940	764.709.340
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP Hà Nội	Chung Công ty đầu tư	332.083.174	622.856.354
Công ty CP Sách và TBGD Miền Bắc	Chung Công ty đầu tư	1.372.126.302	208.627.490
Các đối tượng khác	Chung Công ty đầu tư	5.135.510.497	144.287.681
Cộng		8.498.053.433	2.542.315.492

P.V. NG V.V. NG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

17. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	31/12/2021	01/01/2021
Hộ kinh doanh Nhà sách Khai Trí	197.815.084	35.313.134
Các đối tượng khác	18.231.397	433.663.562
Cộng	216.046.481	468.976.696

18. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm		Số phải nộp trong năm	Số thực nộp trong năm	Số cuối năm	
	Phải thu	Phải trả			Phải thu	Phải trả
Thuế giá trị gia tăng	-	875.953.981	6.470.578.183	6.917.110.913	-	429.421.251
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	2.572.698.477	3.234.678.773	3.778.531.709	-	2.028.845.541
Thuế thu nhập cá nhân	-	2.342.774.166	2.935.368.935	3.583.912.295	-	1.694.230.806
Các loại thuế khác	-	-	23.000.000	23.000.000	-	-
Cộng	-	5.791.426.624	12.663.625.891	14.302.554.917	-	4.152.497.598

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của Cơ quan thuế, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính này có thể sẽ thay đổi theo quyết định của Cơ quan thuế.

19. Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2021	01/01/2021
Chi phí thuê cửa hàng	412.688.529	-
Cộng	412.688.529	-

20. Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2021	01/01/2021
Kinh phí công đoàn	1.363.288.821	1.151.110.105
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	41.137.090	21.812.190
Phải trả khác	330.100.950	348.349.155
Cộng	1.734.526.861	1.521.271.450

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

21. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư tại 01/01/2020	30.600.000.000	(227.778.500)	16.256.129.721	11.067.512.794	57.695.864.015
Tăng trong năm	-	-	4.570.010.235	12.368.860.367	16.938.870.602
Giảm trong năm	-	-	-	11.067.512.794	11.067.512.794
Số dư tại 31/12/2020	<u>30.600.000.000</u>	<u>(227.778.500)</u>	<u>20.826.139.956</u>	<u>12.368.860.367</u>	<u>63.567.221.823</u>
Số dư tại 01/01/2021	30.600.000.000	(227.778.500)	20.826.139.956	12.368.860.367	63.567.221.823
Tăng trong năm	9.179.360.000	-	5.305.088.294	10.390.276.667	24.874.724.961
Giảm trong năm	-	-	9.179.360.000	12.368.860.367	21.548.220.367
Số dư tại 31/12/2021	<u>39.779.360.000</u>	<u>(227.778.500)</u>	<u>16.951.868.250</u>	<u>10.390.276.667</u>	<u>66.893.726.417</u>

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 đã thông qua phương án tăng vốn điều lệ năm 2021 từ Quỹ đầu tư phát triển trên Báo cáo tài chính năm 2020 đã được kiểm toán. Tỷ lệ thực hiện quyền là 100:30.

b. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức

	Năm 2021	Năm 2020
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu kỳ	30.600.000.000	30.600.000.000
- Vốn góp tăng trong kỳ	9.179.360.000	-
- Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
- Vốn góp cuối kỳ	39.779.360.000	30.600.000.000
Cổ tức đã chia	4.590.000.000	4.284.000.000

c. Cổ phiếu

	31/12/2021 Cổ phiếu	01/01/2021 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	3.977.936	3.060.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	3.977.936	3.060.000
- Cổ phiếu phổ thông	3.977.936	3.060.000
- Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	3.977.936	3.060.000
- Cổ phiếu phổ thông	3.977.936	3.060.000
- Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000VND

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

d. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

	Năm 2021	Năm 2020
Lợi nhuận kỳ trước chuyển sang	12.368.860.367	11.067.512.794
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp kỳ này	10.390.276.667	12.368.860.367
Phân phối lợi nhuận	12.368.860.367	11.067.512.794
- Phân phối lợi nhuận năm trước	12.368.860.367	11.067.512.794
+ Trích quỹ đầu tư phát triển	5.305.088.294	4.570.010.235
+ Trích quỹ KTPL, HĐQT, BKS	2.473.772.073	2.213.502.559
+ Trả cổ tức bằng tiền	4.590.000.000	4.284.000.000
- Tạm phân phối lợi nhuận kỳ này	-	-
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối cuối kỳ	10.390.276.667	12.368.860.367

Lợi nhuận sau thuế năm 2020 được phân phối theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 ngày 27/04/2021.

e. Cổ tức

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 ngày 27/04/2021 đã thông qua phương án trả cổ tức bằng tiền từ lợi nhuận sau thuế năm 2020 với tỷ lệ 15%/vốn điều lệ (tương ứng 4.590.000.000 đồng). Theo đó, Công ty đã chi trả toàn bộ số cổ tức trên trong năm 2021.

22. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán

	31/12/2021	01/01/2021
Hàng hóa nhận ký gửi	32.687.562.874	31.455.613.974

23. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2021	Năm 2020
Doanh thu bán sách và các ấn phẩm khác	282.168.362.751	361.745.253.322
Doanh thu phim, mỹ thuật, truyền thông	15.354.113.557	19.059.148.328
Doanh thu khác	1.785.722.595	-
Cộng	299.308.198.903	380.804.401.650

24. Giá vốn hàng bán

	Năm 2021	Năm 2020
Giá vốn sách và các ấn phẩm khác	174.737.539.182	236.462.155.653
Giá vốn phim, mỹ thuật, truyền thông	10.320.428.114	9.340.614.980
Giá vốn khác	1.692.353.486	-
Cộng	186.750.320.782	245.802.770.633

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

25. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2021	Năm 2020
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.176.195.166	1.275.528.331
Cổ tức, lợi nhuận được chia	75.000.000	75.000.000
Lãi bán hàng trả chậm, chiết khấu thanh toán	171.451.717	79.645.455
Cộng	1.422.646.883	1.430.173.786

26. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

a. Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm

	Năm 2021	Năm 2020
Chi phí công cụ, dụng cụ	3.368.085.706	3.466.816.610
Chi phí nhân công	36.892.840.866	42.595.443.952
Chi phí khấu hao tài sản cố định	273.659.518	351.580.749
Chi phí thuê nhà, cửa hàng	23.762.526.752	22.850.780.861
Các khoản khác	21.037.595.706	29.949.743.834
Cộng	85.334.708.548	99.214.366.006

b. Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm

	Năm 2021	Năm 2020
Chi phí công cụ, dụng cụ	65.816.986	160.578.948
Chi phí nhân công	7.580.380.955	11.293.159.121
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.177.865.358	995.178.174
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.572.350.208	7.477.135.771
(Hoàn nhập)/Dự phòng nợ phải thu khó đòi	(76.167.656)	12.310.416
Các khoản khác	2.137.836.735	2.740.180.589
Cộng	15.458.082.586	22.678.543.019

27. Thu nhập khác

	Năm 2021	Năm 2020
Nhận tiền thưởng, hỗ trợ của nhà cung cấp	234.879.406	853.852.726
Thu tiền đền bù do mất hàng	60.401.369	114.369.009
Thu nhập khác	166.423.230	159.832.718
Cộng	461.704.005	1.128.054.453

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

28. Chi phí khác

	Năm 2021	Năm 2020
Phạt vi phạm hành chính	39.265.855	31.812.441
Các khoản khác	90.216.580	49.487.814
Cộng	129.482.435	81.300.255

29. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2021	Năm 2020
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	13.624.955.440	16.181.905.670
Điều chỉnh các khoản thu nhập chịu thuế	2.155.779.879	2.373.890.246
- Điều chỉnh tăng (chi phí không hợp lệ)	2.230.779.879	2.448.890.246
- Điều chỉnh giảm (cổ tức lợi nhuận được chia)	75.000.000	75.000.000
Tổng thu nhập chịu thuế	15.780.735.319	18.555.795.916
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	3.234.678.773	3.813.045.303
<i>Trong đó:</i>		
- Chi phí thuế TNDN hiện hành phát sinh kỳ này	3.156.147.064	3.711.159.183
- Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành kỳ trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành kỳ này	78.531.709	101.886.120

30. Lãi cơ bản, lãi suy giảm trên cổ phiếu

	Năm 2021	Năm 2020
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	10.390.276.667	12.368.860.367
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận sau thuế	(2.078.055.333)	(2.473.772.073)
- Điều chỉnh tăng	-	-
- Điều chỉnh giảm (dự kiến trích quỹ KTPL, HĐQT, BKS)	2.078.055.333	2.473.772.073
LN hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	8.312.221.334	9.895.088.294
Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	3.977.936	3.977.936
Lãi cơ bản, lãi suy giảm trên cổ phiếu	2.090	2.487

Chỉ tiêu “Lãi cơ bản, lãi suy giảm trên cổ phiếu năm 2020” thay đổi do điều chỉnh hồi tố số lượng cổ phiếu được phát hành tăng từ Quý đầu tư phát triển năm 2020 trong năm 2021.

“Lãi cơ bản, suy giảm trên cổ phiếu năm 2021” đã trừ quỹ khen thưởng, phúc lợi, thưởng Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát theo phương án phân phối lợi nhuận Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 thông qua.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

31. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2021	Năm 2020
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	28.115.518.807	31.096.290.159
Chi phí nhân công	59.076.023.092	68.841.281.479
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.774.530.364	1.398.347.684
Chi phí dịch vụ mua ngoài	88.028.589.442	96.470.678.617
Chi phí khác bằng tiền	4.650.400.213	11.741.587.378
Cộng	181.645.061.918	209.548.185.317

32. Báo cáo bộ phận

Theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 28 và Thông tư hướng dẫn Chuẩn mực này thì Công ty cần lập báo cáo bộ phận. Theo đó, bộ phận là một phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích kinh tế khác với các bộ phận khác.

Căn cứ thực tế hoạt động của Công ty, Ban Giám đốc đánh giá rằng các lĩnh vực kinh doanh cũng như các môi trường kinh tế cụ thể theo khu vực địa lý không có sự khác biệt trong việc gánh chịu rủi ro và lợi ích kinh tế. Công ty hoạt động trong một bộ phận kinh doanh chính là phát hành sách và buôn bán ấn bản phẩm và một bộ phận địa lý là lãnh thổ Việt Nam.

33. Quản lý rủi ro

a. Quản lý rủi ro vốn

Thông qua công tác quản trị nguồn vốn, Công ty xem xét, quyết định duy trì số dư nguồn vốn và nợ phải trả thích hợp trong từng thời kỳ để vừa đảm bảo hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông.

b. Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Quản lý rủi ro thị trường: Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự biến động lớn về giá.

Quản lý rủi ro về giá

Công ty mua nguyên vật liệu từ nhà cung cấp trong nước để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, do đó sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá của nguyên vật liệu đầu vào. Để giảm thiểu rủi ro này, Công ty ký kết các hợp đồng nguyên tắc, dài hạn với các nhà cung cấp chính bên cạnh việc đa dạng hóa các nguồn cung cấp của Công ty.

Ngoài ra, chi phí in ấn cũng chiếm phần lớn trong giá vốn thành phẩm nên Công ty chịu rủi ro về giá phí in ấn. Công ty quản lý rủi ro này thông qua việc tìm kiếm nhà cung cấp với mức phí dịch vụ thấp nhất, tập trung số lượng in lớn trên bản in để giảm chi phí.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Quản lý rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Ban Giám đốc đánh giá rằng Công ty không có rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng khác nhau, bán hàng thu tiền ngay tại các cửa hàng bán lẻ. Các khách hàng khác của Công ty là các Công ty sách lớn, Vụ mầm non và Sở Giáo dục. Đây là các khách hàng truyền thống, tình hình thanh toán kịp thời. Mặt khác, các khoản nợ sắp đến hạn thanh toán thường xuyên được Công ty đôn đốc thu hồi.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Để quản lý rủi ro thanh khoản, đáp ứng các nhu cầu về vốn, nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai, Công ty thường xuyên theo dõi và duy trì đủ mức dự phòng tiền, tối ưu hóa các dòng tiền nhận rồi, tận dụng được tín dụng từ khách hàng và đối tác, chủ động kiểm soát các khoản nợ đến hạn, sắp đến hạn trong sự tương quan với tài sản đến hạn và nguồn thu có thể tạo ra trong thời kỳ đó,...

Tổng hợp các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty theo thời hạn thanh toán như sau:

<u>31/12/2021</u>	<u>Không quá 1 năm</u>	<u>Trên 1 năm</u>	<u>Tổng</u>
Phải trả người bán	46.673.314.338	-	46.673.314.338
Chi phí phải trả	412.688.529	-	412.688.529
Phải trả khác	371.238.040	-	371.238.040
Cộng	47.457.240.907	-	47.457.240.907
<u>01/01/2021</u>	<u>Không quá 1 năm</u>	<u>Trên 1 năm</u>	<u>Tổng</u>
Phải trả người bán	39.045.218.195	-	39.045.218.195
Phải trả khác	370.161.345	-	370.161.345
Cộng	39.415.379.540	-	39.415.379.540

Ban Giám đốc cho rằng Công ty kiểm soát được rủi ro thanh khoản và có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Tổng hợp các tài sản tài chính hiện có tại Công ty được trình bày trên cơ sở tài sản thuần như sau:

<u>31/12/2021</u>	<u>Không quá 1 năm</u>	<u>Trên 1 năm</u>	<u>Tổng</u>
Tiền và các khoản tương đương tiền	18.733.832.710	-	18.733.832.710
Đầu tư tài chính	750.000.000	-	750.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	10.078.887.537	-	10.078.887.537
Phải thu khách hàng	39.639.202.977	-	39.639.202.977
Phải thu khác	1.673.297.296	7.150.018.311	8.823.315.607
Cộng	70.875.220.520	7.150.018.311	78.025.238.831

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

<u>01/01/2021</u>	<u>Không quá 1 năm</u>	<u>Trên 1 năm</u>	<u>Tổng</u>
Tiền và các khoản tương đương tiền	40.375.117.370	-	40.375.117.370
Đầu tư tài chính	645.000.000	-	645.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	13.447.794.330	-	13.447.794.330
Phải thu khách hàng	11.703.050.868	-	11.703.050.868
Phải thu khác	863.675.419	7.794.400.203	8.658.075.622
Cộng	<u>67.034.637.987</u>	<u>7.794.400.203</u>	<u>74.829.038.190</u>

34. Thông tin về các bên liên quan

a. Các bên liên quan

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty TNHH MTV NXB Giáo dục VN	Công ty đầu tư
Nhà Xuất bản Giáo dục tại Hà Nội	ĐVTT Công ty đầu tư
Nhà Xuất bản Giáo dục tại TP. Đà Nẵng	ĐVTT Công ty đầu tư
Nhà Xuất bản Giáo dục tại TP HCM	ĐVTT Công ty đầu tư
Công ty CP Bản đồ Tranh ảnh Giáo dục	Chung Công ty đầu tư
Công ty CP ĐT&PT Giáo dục Hà Nội	Chung Công ty đầu tư
Công ty CP DVXB Giáo dục Hà Nội	Chung Công ty đầu tư
Công ty CP Sách Đại học - Dạy nghề	Chung Công ty đầu tư
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP Hà Nội	Chung Công ty đầu tư
Công ty CP Sách và TBGD Miền Bắc	Chung Công ty đầu tư
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP Hồ Chí Minh	Chung Công ty đầu tư

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

b. Các giao dịch trọng yếu với các bên liên quan phát sinh trong năm

	Mối quan hệ	Năm 2021	Năm 2020
Bán hàng			
Công ty TNHH MTV NXB Giáo dục VN	Bán tem, sách	441.592.919	902.668.789
Nhà Xuất bản Giáo dục tại Hà Nội	Bán tem, sách	3.436.512.091	3.528.454.545
Nhà Xuất bản Giáo dục tại TP. Đà Nẵng	Bán tem, sách	467.727.273	804.409.091
Nhà Xuất bản Giáo dục tại TP HCM	Bán tem, sách	935.372.727	2.419.229.059
Công ty CP ĐT&PT Giáo dục Hà Nội	Bán phim, tem, sách	1.096.675.275	1.015.443.265
Công ty CP DVXB Giáo dục Hà Nội	Bán tem, sách	7.375.302.089	6.484.721.826
Các đối tượng khác	Bán tem, sách	3.179.025.077	4.301.035.295
Mua hàng			
Nhà Xuất bản Giáo dục tại Hà Nội	Phí QLXB, khác	1.390.442.510	1.879.332.538
	Thuê nhà, khác,...	7.966.151	253.487.207
	Mua tem mẫu	534.600.000	562.140.000
Công ty CP ĐT&PT Giáo dục Hà Nội	Mua sách các loại	5.650.303.605	5.264.649.093
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP. Hà Nội	Mua sách các loại	3.484.802.506	2.971.503.217
Công ty CP Sách và TBGD Miền Bắc	Mua sách các loại	2.649.714.138	3.863.293.154
Các đối tượng khác	Mua sách các loại	1.586.777.579	2.252.889.396
Khác			
Công ty CP DVXB Giáo dục Hà Nội	Nhận cổ tức bằng tiền	75.000.000	75.000.000

c. Thù lao Hội đồng quản trị, thu nhập của Ban Giám đốc

			Năm 2021	Năm 2020
Ông Lê Hoàng Hải	Chủ tịch HĐQT	Thù lao	292.000.000	396.000.000
	điều hành DN	Lương, thưởng	605.480.000	1.050.160.000
Ông Đinh Gia Lê	Phó Chủ tịch HĐQT	Thù lao	146.000.000	198.000.000
Ông Phạm Văn Thắng	Ủy viên HĐQT	Thù lao	146.000.000	198.000.000
	Giám đốc	Lương, thưởng	816.746.703	1.108.994.367
Bà Mai Nhị Hà	Ủy viên HĐQT	Thù lao	146.000.000	198.000.000
Bà Nguyễn Bích La	Ủy viên HĐQT	Thù lao	146.000.000	198.000.000
	Phó Giám đốc	Lương, thưởng	586.926.920	901.567.829
Bà Nguyễn Thị Hồng Hạnh	Phó Giám đốc	Lương, thưởng	549.671.235	709.527.942

35. Sự kiện quan trọng trong kỳ ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Đại dịch Covid-19 đã lan rộng toàn cầu từ đầu năm 2020 và kéo dài đến hiện nay. Hệ lụy của nó làm kinh tế toàn cầu suy thoái và ảnh hưởng tiêu cực đến rất nhiều lĩnh vực, ngành nghề. Để ngăn chặn sự lây lan của dịch bệnh, các quy định về hạn chế đi lại, kiểm soát biên giới và giãn cách xã hội được thực hiện ở hầu hết các quốc gia trên thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng. Quý III/2021, thực hiện chỉ đạo của Chính phủ và Thành phố Hà Nội, hệ thống bán lẻ dừng hoạt động 02 tháng, dẫn đến doanh thu giảm trong khi chi phí mất bằng tiền công bảo hiểm xã hội vẫn phát sinh do không thuộc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

đối tượng được Nhà nước hỗ trợ. Doanh thu và doanh số mảng phát hành sách mầm non giảm so với năm 2020 do ảnh hưởng của việc dừng dạy học trực tiếp. Ban Giám đốc đã đánh giá tác động của Covid-19 đến hoạt động kinh doanh của Công ty và từ đó xây dựng, áp dụng các kế hoạch phù hợp để kiểm soát tình hình, giảm thiểu các tác động tiêu cực và đảm bảo cho hoạt động kinh doanh của Công ty được ổn định.

36. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ kế toán

Ngày 15/02/2022, Hội đồng quản trị ban hành Nghị quyết số 01-2022/NQ-HĐQT về việc tạm ứng cổ tức năm 2021 bằng tiền mặt. Theo đó, ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền tạm ứng cổ tức năm 2021 là 15/03/2022. Ngày dự kiến thanh toán là 25/04/2022.

Ngoài ra, không có sự kiện quan trọng nào khác phát sinh sau ngày kết thúc niên độ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

37. Số liệu so sánh

Là số liệu trong báo cáo tài chính của năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 đã được kiểm toán bởi AAC.

Giám đốc

Kế toán trưởng

Người lập biểu



Phạm Văn Thắng

Hà Nội, ngày 25 tháng 03 năm 2022

Nguyễn Phong Yên

Nguyễn Huy Hoàng